

XÂY DỰNG MÔ HÌNH ẢNH HƯỞNG CỦA QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO ĐẾN KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TS. Tạ Thị Thúy Hằng

Trường Đại học Lao động - Xã hội

Hangulsa@gmail.com

Sinh viên Trần Quốc Anh

Lớp D11KT03, Trường Đại học Lao động - Xã hội

Quocanhtran2556@gmail.com

Tóm tắt: Bài nghiên cứu này tập trung vào việc khám phá ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các lý thuyết chính được đề cập là lý thuyết điểm hạn chế và lý thuyết tinh gọn nhấn mạnh việc tối ưu hóa và giảm lãng phí trong quản trị tồn kho. Tổng quan nghiên cứu cho thấy các nghiên cứu sử dụng các kỹ thuật xử lý khác nhau như phân tích hồi quy OLS, mô hình phương trình cấu trúc SEM, phương trình hồi quy dữ liệu mảng để phân tích dữ liệu từ các nguồn tại liệu khác nhau. Kết quả của các nghiên cứu cho thấy có ảnh hưởng tích cực của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhưng ảnh hưởng này có thể khác nhau giữa các ngành công nghiệp và khu vực địa lý. Các nghiên cứu cụ thể đã chỉ ra rằng, việc giảm số ngày tồn kho và tăng tỷ lệ quay vòng hàng tồn kho có thể cải thiện hiệu suất tài chính của doanh nghiệp. Ngoài ra, trong nghiên cứu này cũng chỉ khoảng trống và tầm quan trọng của việc tiếp tục nghiên cứu trong bối cảnh cụ thể Việt Nam và đề xuất mô hình ảnh hưởng quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh doanh nghiệp.

Từ khóa: Quản trị hàng tồn kho, Kết quả kinh doanh, Số ngày tồn kho, Tỷ lệ quay vòng tồn kho, doanh thu

DEVELOPING A MODEL OF THE EFFECT OF INVENTORY MANAGEMENT ON THE BUSINESS PERFORMANCE OF ENTERPRISES

Abstract: The primary objective of this study is to investigate how inventory management influences business performance. Key theories examined include the Theory of Constraints and Lean Theory, both of which highlight the importance of efficiency and minimizing waste in inventory management practices. The literature review reveals that researchers have employed a range of analytical methods, such as OLS regression analysis, SEM structural equation modeling, and panel data regression analysis, to evaluate data obtained from diverse channels. The findings from the research suggest that inventory management positively influences business performance; however, the extent of this influence can differ across various industries and geographic locations. Certain studies have demonstrated that decreasing the inventory holding period and enhancing the inventory turnover rate can enhance a firm's financial outcomes. Furthermore, this research underscores the existing research gaps and the necessity for additional studies within the unique setting of Vietnam, while also presenting a framework illustrating the effects of inventory management on business performance.

Keywords: Inventory management, business performance, inventory holding period, inventory turnover rate, revenue

Mã bài báo: JHS - 193

Ngày nhận bài sửa: 11/04/2024

Ngày nhận bài: 15/03/2024

Ngày duyệt đăng: 20/04/2024

Ngày nhận phản biện: 27/03/2024

1. Đặt vấn đề

Theo chuẩn mực kế toán VAS 02 quy định, hàng tồn kho là những tài sản được giữ để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường, đang trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang hoặc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ để sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ. Quản trị hàng tồn kho là một hoạt động quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Việc quản trị hàng tồn kho hiệu quả giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu rủi ro, tăng doanh thu và lợi nhuận. Quản trị và sử dụng hợp lý các tài sản lưu động có ảnh hưởng rất quan trọng đến việc hoàn thành nhiệm vụ và mục tiêu đặt ra cho doanh nghiệp. Quản trị hàng tồn kho có ý nghĩa kinh tế quan trọng do hàng tồn kho là một trong những tài sản có giá trị lớn trong doanh nghiệp. Tồn kho nhiều sẽ đảm bảo sản xuất liên tục, tránh đứt quãng trên dây chuyền sản xuất, đảm bảo đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của người tiêu dùng trong bất cứ tình huống nào. Tuy nhiên, tồn kho quá nhiều sẽ dẫn đến các chi phí có liên quan đến lượng tồn kho tăng cao, đối với một số hàng hóa nếu dự trữ lâu sẽ bị hư hỏng, hao hụt giảm chất lượng. Ngược lại, nếu tồn kho ít hiệu quả sử dụng vốn sẽ tốt hơn nhưng quá trình sản xuất có thể sẽ bị ngưng trệ do thiếu hụt hàng tồn kho cho sản xuất. *Quản trị hàng tồn kho được định nghĩa là một tập hợp các hoạt động được các doanh nghiệp sử dụng để kiểm soát lượng hàng tồn kho của mình. Nó bao gồm việc ghi chép và theo dõi mức độ hàng tồn kho, dự đoán nhu cầu tương lai, và quyết định thời điểm và cách thức đặt hàng. Quản trị hàng tồn kho là cách thức tổ chức, lưu trữ và thay thế hàng tồn kho, nhằm duy trì nguồn cung hàng hóa đầy đủ đồng thời giảm thiểu chi phí (Daniel Atnafu & Assefa Balda, 2018).*

Bởi vậy, việc tổng quan ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả doanh nghiệp chỉ ra những bằng chứng thực nghiệm từ những nghiên cứu trước và đưa ra mô hình nghiên cứu đo lường ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là cần thiết bổ sung cơ sở lý luận về quản trị hàng tồn kho từ đó góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản trị hàng tồn kho, cung cấp cho doanh nghiệp công cụ đánh giá hiệu quả quản trị hàng tồn kho.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết điểm hạn chế (Theory of Constraints -TOC) trong quản trị tồn kho

Lý thuyết điểm hạn chế - là một triết lý quản lý tập trung vào việc xác định và giải quyết các điểm hạn chế trong hệ thống để đạt được hiệu quả tối ưu. TOC được phát triển bởi Eliyahu M. Goldratt vào những năm 1980 và được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, bao gồm quản trị tồn kho. TOC cho rằng mọi hệ thống đều có ít nhất một điểm hạn chế - là mắt xích yếu nhất trong hệ thống, ngăn cản hệ thống đạt được hiệu quả tối ưu. Trong quản trị tồn kho, điểm hạn chế có thể là do năng lực kho bãi. Kho bãi không đủ để chứa lượng hàng tồn kho cần thiết, sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt hàng hóa hoặc do năng lực sản xuất không đáp ứng được nhu cầu thị trường sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt hàng hóa hoặc nhu cầu thị trường biến động thất thường, đồng thời dẫn đến tình trạng dư thừa hoặc thiếu hụt hàng hóa. Khi xác định được điểm hạn chế, doanh nghiệp có thể tập trung nguồn lực để giải quyết nó, ví dụ như: Mở rộng kho bãi, nâng cao năng lực sản xuất, dự báo nhu cầu thị trường chính xác hơn. Nhờ đó, doanh nghiệp có thể giảm thiểu lượng hàng tồn kho cần thiết, từ đó giảm chi phí lưu kho. Việc giảm thiểu chi phí lưu kho và nâng cao hiệu quả hoạt động sẽ giúp doanh nghiệp tăng lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường nhờ cung cấp sản phẩm đúng thời điểm, đúng số lượng với chất lượng tốt, giảm giá thành sản phẩm nhờ giảm chi phí lưu kho.

Lý thuyết Lean trong quản trị hàng tồn kho

Lý thuyết Lean, hay còn gọi là Lean Manufacturing, là một mô hình sản xuất tích hợp được phát triển từ chương trình nghiên cứu International Motor Vehicle Program của Viện Công nghệ Massachusetts (MIT). Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm thu hẹp khoảng cách hiệu suất giữa ngành công nghiệp ô tô phương Tây và Nhật Bản. Lean được phổ biến rộng rãi thông qua cuốn sách "The Machine that Changed the World" của Womack và các đồng sự vào năm 1990.

Lean Manufacturing được định nghĩa là một mô hình sản xuất tích hợp, kết hợp các công cụ, phương pháp và chiến lược đặc trưng trong phát triển sản phẩm, quản lý cung ứng và quản lý hoạt động sản xuất thành một thể thống nhất.

5 nguyên tắc của Lean giúp cắt giảm chi phí trong doanh nghiệp sản xuất

Nguyên tắc 1 - Tập trung vào quy trình: Trọng tâm của mọi sự thay đổi và cải tiến trong phương pháp Lean đều nằm ở quy trình. Đối với doanh nghiệp sản xuất, các quy trình rất quan trọng bởi nó sẽ quyết định nguồn lực sử dụng, thời gian sử dụng và chất lượng sản phẩm.

Nguyên tắc 2 - Tối đa giá trị, tối thiểu lãng phí: Trong Lean, các lãng phí được định nghĩa là những hành động không tạo ra giá trị. Phương pháp Lean tập trung loại bỏ các lãng phí đó, đồng thời tăng cường giá trị mang lại cho khách hàng để tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp thay vì hướng doanh nghiệp tăng lợi nhuận/sức mạnh bằng cách chi nhiều hơn.

Nguyên tắc 3 - Tiêu chuẩn hóa công việc: Trong Lean, doanh nghiệp sẽ cần tiêu chuẩn các nhiệm vụ (tiêu chuẩn về thời gian, kết quả, quy trình xử lý...). Khi tiêu chuẩn hóa, doanh nghiệp sẽ đạt được kết quả là chất lượng sản phẩm nhất quán, giảm các chi phí gây ra do sản phẩm lỗi.

Nguyên tắc 4 - Tạo dòng chảy: "Dòng chảy" có nghĩa là một quy trình mà trong đó sản phẩm chạy qua từng bước theo một trình tự xác định, một cách tuần tự, theo tốc độ yêu cầu của khách hàng. Khi điều này được đạt được, doanh nghiệp giảm thiểu những yếu tố phát sinh có thể gây lãng phí trong quy trình, giảm thiểu thời gian chờ và tăng tính linh hoạt cho quy trình.

Nguyên tắc 5 - Giải quyết vấn đề nhanh chóng: Trong Lean, chúng ta nhìn nhận vấn đề như cơ hội để cải tiến. Thay vì nhảy vào giải pháp, chúng ta giải quyết các nút thắt theo một trình tự khoa học Plan-Do-Check-Act: Đi từ xác định nguyên nhân gốc rễ của vấn đề, phát triển giải pháp, triển khai giải pháp, kiểm tra kết quả, đến áp dụng phương pháp mới. Nhờ vậy, các nút thắt được tháo nhanh hơn, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và nguồn lực.

2.2. Tổng quan nghiên cứu

Nhiều nghiên cứu khác nhau về mối quan hệ giữa quản trị hàng tồn kho và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp. Các nghiên cứu được thực hiện trong nhiều ngành công nghiệp và khu vực địa lý khác nhau, từ ngành thực phẩm ở Ba Lan đến ngành

sản xuất tại Mỹ và Malaysia... Các phương pháp nghiên cứu đa dạng gồm phân tích hồi quy tuyến tính sử dụng phần mềm SPSS, phân tích Anova, phân tích dữ liệu bảng, mô hình phương trình cấu trúc (SEM). Kết quả từ các nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa quản trị hàng tồn kho và lợi nhuận không phải lúc nào cũng nhất quán. Nhiều nghiên cứu như Golaś (2020), Koumanakos (2008), Sekeroglu & Altan (2014) và Adebola et al (2019) đều nhấn mạnh mối quan hệ tương quan tích cực giữa các phương pháp quản trị hàng tồn kho hiệu quả và cải thiện hiệu quả tài chính. Một số nghiên cứu như của Shin và cộng sự (2015) và Sunday & Joseph (2017) đã chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa tỷ lệ quay vòng hàng tồn kho và lợi nhuận, trong khi các nghiên cứu khác như của Kontuś (2014) không tìm thấy mối quan hệ đáng kể. Các nghiên cứu của Golaś (2020) và Koumanakos (2008) cũng cho thấy mối quan hệ tích cực giữa quản trị hàng tồn kho hiệu quả và lợi nhuận gộp cũng như mối quan hệ tiêu cực giữa số ngày tồn kho và tỷ suất sinh lời trên tài sản. Các nghiên cứu khác như của Shin & Jun (2016) và Karim, Nawawi & Salin (2018) cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy quản trị tồn kho hiệu quả có thể cải thiện lợi nhuận trong dài hạn và rằng việc giảm số ngày lưu kho có thể cải thiện hiệu suất doanh nghiệp. NdiranguKung'u (2016) khuyến nghị các công ty nên áp dụng và duy trì hệ thống kiểm soát hàng tồn kho tốt như số lượng đặt hàng kinh tế (EOQ) và sản xuất đúng lúc (JIT) để tăng lợi nhuận. Shahabuddin (2011) cho thấy các công ty áp dụng phương pháp quản lý chuỗi cung ứng (SCM) có hiệu suất tài chính tốt hơn so với những công ty không áp dụng. Sekeroglu & Altan (2014) tìm thấy mối quan hệ tích cực giữa tỷ lệ quay vòng hàng tồn kho và lợi nhuận trong ngành thực phẩm nhưng không tìm thấy mối quan hệ này trong ngành dệt may và bán lẻ. Cụ thể:

Thứ nhất, ảnh hưởng tích cực của quản trị hàng tồn kho đến kết quả tài chính:

Shahabuddin (2011) thực hiện nghiên cứu 11 công ty có quy trình chuỗi cung ứng và 11 công ty không có quy trình chuỗi cung ứng. Tác giả so sánh các chỉ số tài chính của các công ty sử dụng phương pháp SCM và các công ty không sử dụng phương pháp SCM. Kết quả của nghiên cứu cho thấy các

công ty áp dụng phương pháp SCM có hiệu suất tài chính tốt hơn so với những công ty không áp dụng. Cụ thể, các công ty sử dụng SCM có ít ngày tồn kho hơn, tỷ lệ quay vòng hàng tồn kho cao hơn, tỷ lệ lợi nhuận gộp so với doanh thu cao hơn, và hiệu suất sử dụng tài sản tốt hơn.

Salawati & Kadri (2012) đã tiến hành nghiên cứu nhằm đánh giá mối quan hệ giữa quản trị tồn kho và hiệu quả tài chính của các công ty xây dựng tại Malaysia. Dữ liệu tài chính của 82 công ty xây dựng được thu thập trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010 để phân tích. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tiêu cực giữa số ngày tồn kho và tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA). Điều này có nghĩa là quản trị tồn kho hiệu quả, thể hiện qua việc giảm số ngày tồn kho, sẽ dẫn đến hiệu quả hoạt động cao hơn (ROA cao hơn). Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra mối quan hệ tích cực quản trị hàng tồn kho và cường độ vốn. Nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng về tầm quan hệ then chốt giữa quản trị tồn kho và hiệu quả tài chính trong ngành xây dựng Malaysia. Kết quả nghiên cứu gợi ý rằng, các công ty xây dựng nên tập trung vào việc cải thiện quản trị tồn kho thông qua các biện pháp như giảm số ngày tồn kho để nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi nhuận.

Shin và cộng sự (2015) thu thập bộ dữ liệu I từ năm 2005 đến 2007 với 1,289 công ty và 3,867 quan sát và Bộ dữ liệu II mở rộng từ năm 2005 đến 2012 với 959 công ty và 7,672 quan sát. Nghiên cứu này loại bỏ dữ liệu từ năm 2008 để tránh ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và nhiều công ty đã bị hủy niêm yết khỏi thị trường chứng khoán, điều này có thể làm méo mó kết quả nghiên cứu. Vì vậy, để đảm bảo tính chính xác và tính cân nhắc của dữ liệu, các tác giả đã quyết định kết thúc bộ dữ liệu I vào năm tài chính 2007. Kết quả của nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ đảo ngược đáng kể giữa tỷ lệ quay vòng của hàng tồn kho và tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu, tức là tỷ lệ quay vòng hàng tồn kho cao hơn (quản trị tồn kho hiệu quả hơn) có xu hướng đạt được tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao hơn. Kết quả này được chứng minh qua cả hai phân tích cho hai bộ dữ liệu và cho thấy rằng việc quản trị tồn kho hiệu quả có tác động tích cực đến lợi nhuận của công ty. Ngoài ra, quy mô công ty cũng có ảnh

hưởng đến lợi nhuận, với công ty nhỏ có khả năng hưởng lợi nhiều hơn từ việc tăng cường hiệu quả quản trị tồn kho so với công ty vừa và lớn.

Shin và cộng sự (2016) sử dụng dữ liệu lưu trữ kinh tế từ năm 1958 đến 1999 cho 14 ngành công nghiệp sản xuất tại Mỹ. Kết quả của nghiên cứu cho thấy một mức độ tồn kho thấp hơn, cụ thể là tỷ lệ tồn kho so với doanh số bán hàng thấp hơn, có tác động tích cực đến lợi nhuận của ngành công nghiệp. Nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy, quản trị tồn kho hiệu quả có thể cải thiện lợi nhuận trong dài hạn. Nó cũng chỉ ra rằng, việc giảm tồn kho hàng thành phẩm có lợi cho ngành kim loại cơ bản và kim loại đã qua chế tác, trong khi ngành sản phẩm dầu mỏ và than chủ yếu bị ảnh hưởng bởi sự giảm tồn kho hàng đang sản xuất.

Shardeo (2015) cung cấp bằng chứng về ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến hiệu quả của doanh nghiệp trong thị trường đang phát triển như Ai Cập bằng phân tích thống kê mô tả và mô hình hồi quy đa biến sử dụng phần mềm Eviews 12 dữ liệu từ thị trường chứng khoán Ai Cập năm 2013-2021 với kết quả vòng quay hàng tồn kho có tác động tích cực đến ROA và ROE

NdiranguKung'u (2016) khảo sát thông qua bảng câu hỏi với mẫu gồm 71 công ty công nghiệp và liên minh 399 công ty ở thành phố Nairobi và các khu vực lân cận. Kết quả nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ tích cực và có ý nghĩa giữa thực hành kiểm soát hàng tồn kho và lợi nhuận của công ty, với hệ số tương quan là 0.601 và mức ý nghĩa 0.01, R^2 là 0.361, có nghĩa là 36.1% sự biến thiên trong lợi nhuận có thể được giải thích bởi sự thay đổi trong thực hành kiểm soát hàng tồn kho. F-value trong phân tích ANOVA là 48.909 với p-value là 0.000, cho thấy mô hình tổng thể có ý nghĩa trong việc dự đoán lợi nhuận. Từ kết quả này, nghiên cứu khuyến nghị các công ty nên áp dụng và duy trì hệ thống kiểm soát hàng tồn kho tốt như EOQ và JIT để duy trì mức tồn kho lý tưởng, từ đó tăng lợi nhuận.

Sunday & Joseph (2017) khảo sát 30 doanh nghiệp ăn nhanh/ăn uống, siêu thị và các công ty sản xuất đồ nội thất tại quốc gia Nigeria. Kết quả của nghiên cứu cho thấy, có mối quan hệ tích cực đáng kể giữa tỷ lệ quay vòng hàng tồn kho và lợi nhuận, điều này có nghĩa là các doanh nghiệp có tỷ

lệ luân chuyển hàng tồn kho cao hơn có xu hướng có hiệu suất tài chính tốt hơn. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng chỉ ra ảnh hưởng tiêu cực không đáng kể giữa thời gian luân chuyển hàng tồn kho và lợi nhuận tức là thời gian chuyển đổi nguyên liệu thô thành sản phẩm hoàn chỉnh và bán cho khách hàng càng lâu thì lợi nhuận của doanh nghiệp càng giảm. Nghiên cứu giúp khẳng định mối quan hệ giữa quản trị hàng tồn kho và lợi nhuận của các nhỏ và vừa, cung cấp thông tin hữu ích cho việc quản trị hàng tồn kho hiệu quả nhằm cải thiện lợi nhuận và hiệu suất kinh doanh.

Atnafu & Balda (2018) khảo sát 188 doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy, việc thực hành quản trị tồn kho có ảnh hưởng tích cực đến lợi thế cạnh tranh và hiệu suất tổ chức của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành sản xuất. Các phương pháp quản trị tồn kho như: Phân tích ABC, Số lượng đặt hàng kinh tế (EOQ), Dự báo nhu cầu và Kỹ thuật JIT (Just in Time) khi được áp dụng có thể cải thiện khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua việc cung cấp giá cả tốt hơn, chất lượng sản phẩm cao hơn và giao hàng đúng hạn.

Karim & Salin (2018) nghiên cứu công ty tại 3 công ty sản xuất dầu nhớt tại Malaysia, dữ liệu từ báo cáo tài chính 2008-2012. Nghiên cứu này sử dụng khung kiểm soát nội bộ - COSO 2013 như một công cụ để đánh giá hiệu quả của các quy trình và thủ tục trong quản trị tồn kho. Các tác giả đã áp dụng phân tích tài liệu làm phương pháp nghiên cứu chính để đánh giá hiệu quả quản trị tồn kho. Kết quả cho thấy, quản trị hàng tồn kho hiệu quả có ảnh hưởng tích cực đến hiệu suất tài chính của công ty nhưng mối liên kết này không quá đáng kể. Tuy nhiên, việc giảm số ngày lưu kho của hàng tồn kho có thể cải thiện hiệu suất doanh nghiệp. Các tác giả khuyến nghị doanh nghiệp cần tăng cường nhận thức về gian lận trong quản trị tồn kho và cải thiện văn hóa đạo đức nghề nghiệp để ngăn chặn các hành vi gian lận như: trộm cắp hàng tồn kho, điều chỉnh hàng tồn kho sai lệch, thông đồng với các bên khác v.v...

Adebola và cộng sự (2019) nghiên cứu báo cáo thường niên của doanh nghiệp International Breweries Plc trong thời gian 10 năm. Kết quả của nghiên cứu cho thấy một mối quan hệ tích cực và

mạnh mẽ giữa tỷ lệ quay vòng của hàng tồn kho và lợi nhuận gộp với hệ số tương quan là 85.3% và R^2 là 72.7%. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất các doanh nghiệp nên tập trung cải thiện hệ thống quản trị hàng tồn kho để góp phần cải thiện lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Golaś (2020) sử dụng dữ liệu chưa được công bố từ Văn phòng Thống kê Trung ương Ba Lan (CSO) về tình hình tài chính của ngành thực phẩm và các phân ngành của nó, bao gồm 27 phân ngành thực phẩm từ năm 2005 đến năm 2017. Kết quả nghiên cứu này cho thấy, gia tăng số ngày tồn kho có tác động tiêu cực đến tỷ suất sinh lời trên tài sản. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cho thấy mặc dù hướng tác động của các loại hàng tồn kho là cùng nhau nhưng nhóm sản phẩm dở dang thì tỷ lệ tác động tiêu cực lớn nhất đến tỷ suất sinh lời trên tài sản.

Thứ hai, không có ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả tài chính

Bên cạnh những nghiên cứu tìm thấy ảnh hưởng tích cực của quản trị hàng tồn kho đến hiệu quả doanh nghiệp thì có những nghiên cứu không thấy được kết quả ảnh hưởng của mối quan hệ này. Koumanakos (2008) sử dụng dữ liệu tài chính của tất cả các doanh nghiệp vừa và lớn tại Hy Lạp. Mẫu nghiên cứu bao gồm dữ liệu từ 1,358 doanh nghiệp trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2002 với 3,727 quan sát. Các doanh nghiệp được chọn thuộc ba ngành công nghiệp đại diện là thực phẩm, dệt may và hóa chất. Kết quả của nghiên cứu cho thấy một mối quan hệ tuyến tính mạnh mẽ giữa việc quản trị hàng tồn kho theo nguyên tắc lean và hiệu suất tài chính chỉ tồn tại trong ngành hóa chất cho các năm 2000 và 2001 nhưng không tìm thấy mối quan hệ này trong ngành thực phẩm hoặc dệt may. Tương tự, Sekeroglu & Altan (2014) tìm thấy mối quan hệ tích cực giữa quản trị tồn kho và lợi nhuận trong lĩnh vực thực phẩm, trong khi không tìm thấy mối quan hệ đáng kể trong lĩnh vực dệt may hoặc bán buôn và bán lẻ khi thực hiện nghiên cứu 3 nhóm ngành dệt may (16 doanh nghiệp), thực phẩm (14 doanh nghiệp) và bán buôn bán lẻ (11 doanh nghiệp). Có thể có nhiều lý do cho việc không tìm thấy mối quan hệ này, bao gồm đặc thù của ngành, cấu trúc thị trường và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác nhau. Chẳng hạn trong ngành dệt may, có thể có

sự cạnh tranh cao, thay đổi nhanh chóng về mẫu mã và xu hướng, hoặc các yếu tố khác như chi phí lao động và nguyên liệu đầu vào có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận hơn là quản trị hàng tồn kho. Trong ngành bán lẻ, sự biến động của nhu cầu và sự đa dạng của sản phẩm có thể làm cho việc quản trị hàng tồn kho trở nên phức tạp hơn nên hiệu quả của quản trị có thể tác động không nhiều đến lợi nhuận doanh nghiệp. Cùng kết quả với những nghiên cứu này Kontuš, E. (2014) khảo sát 101 doanh nghiệp Croatia, bao gồm 51 doanh nghiệp lớn và 50 doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs). Kết quả của nghiên cứu không tìm thấy mối quan hệ thống kê có ý nghĩa giữa mức độ tồn kho và khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

Thứ ba, các nghiên cứu sử dụng các kỹ thuật nghiên cứu khác nhau

Các nghiên cứu sử dụng nhiều kỹ thuật khác nhau, bao gồm phân tích hồi quy, phân tích tương quan và mô hình phương trình cấu trúc (SEM), mô hình hồi quy dữ liệu mảng để tìm hiểu ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả tài chính. Các kỹ thuật phân tích dữ liệu từ các nguồn khác nhau, chẳng hạn như báo cáo tài chính, khảo sát và cơ sở dữ liệu như Cục Thống kê Trung ương Ba Lan hoặc cơ sở dữ liệu ICAP dành cho các công ty Hy Lạp hay dữ liệu của các quốc gia thuộc bối cảnh nghiên cứu của các tác giả.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả doanh nghiệp còn thiếu vắng. Thăng & Hương (2019) nghiên cứu 19 doanh nghiệp ngành dệt may niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn từ 2014 đến 2017 cho thấy, kết quả quản trị hàng tồn kho có tác động tích cực đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam. Cùng kết quả nghiên cứu, Nam và công sự (2022) thực hiện nghiên cứu các DN niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2016-2020 cho thấy, thời gian luân chuyển hàng tồn kho có mối quan hệ ngược với kết quả kinh doanh ROA của doanh nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để xây dựng được mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh doanh nghiệp, tác giả tiến hành tổng quan các công trình nghiên cứu trước đây, trong nước và

quốc tế có liên quan đến quản trị hàng tồn kho, xem vấn đề được nghiên cứu ở khía cạnh nào, cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, bối cảnh nghiên cứu, kết quả nghiên cứu là gì... Tác giả tìm tài liệu nghiên cứu chủ yếu trên các trang tài liệu lớn như: www.scholar.google.com, www.sciencedirect.com. Trong mỗi nghiên cứu liên quan, tác giả cố gắng tìm hiểu bối cảnh nghiên cứu, cơ sở lý thuyết của nghiên cứu, nội dung thông tin về quản trị hàng tồn kho, kết quả kinh doanh doanh nghiệp, phương pháp thực hiện nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, hạn chế và hướng nghiên cứu trong tương lai. Những nội dung này được tổng hợp vào bảng tổng quan các tài liệu với các cột định sẵn. Tiếp đó, tác giả tiến hành chia nhóm các kết quả của các nghiên cứu thành 2 nhóm: nhóm có ảnh hưởng tích cực và nhóm không có kết quả. Sau khi chia nhóm, tác giả tìm hiểu lý do tại sao lại có sự khác biệt và tìm hiểu sự khác biệt về các biến độc lập, biến phụ thuộc và biến kiểm soát trong các nghiên cứu. Cuối cùng, tác giả lựa chọn được hướng nghiên cứu, làm rõ khái niệm và đo lường quản trị hàng tồn kho, kết quả kinh doanh doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, xác định các biến cho phù hợp cho mô hình nghiên cứu về ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Đề xuất mô hình ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh doanh nghiệp

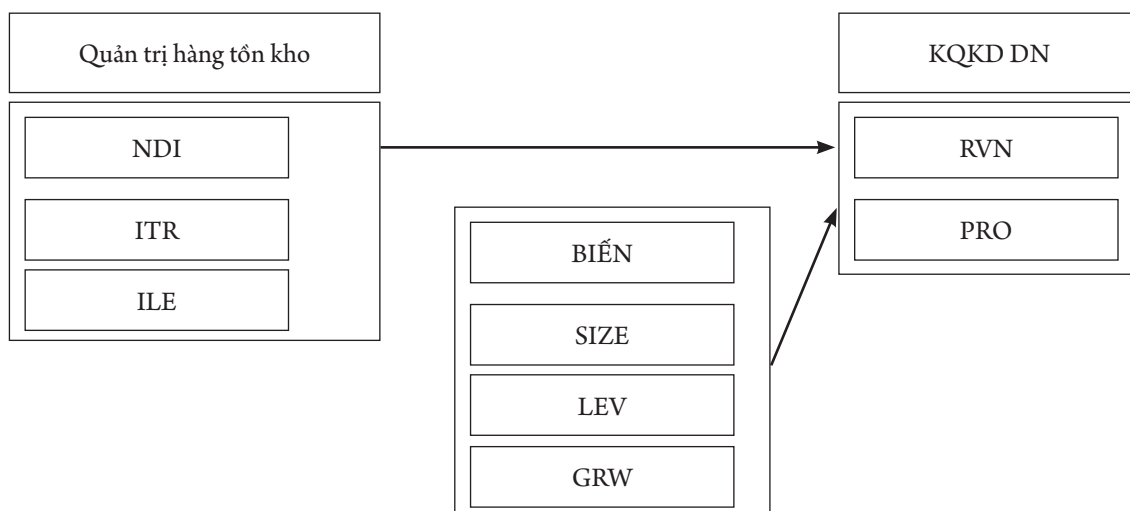
Lý thuyết tinh gọn và lý thuyết điểm hạn chế đều hướng tới việc tối ưu hóa hiệu quả và giảm thiểu lãng phí cho doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến lợi nhuận không phải lúc nào cũng nhất quán. Nhiều nghiên cứu đều nhấn mạnh ảnh hưởng tích cực của quản trị hàng tồn kho hiệu quả đến hiệu quả tài chính trong khi các nghiên cứu khác như của Kontuš (2014) không tìm thấy ảnh hưởng này. Câu hỏi đặt ra là nên hay không nên thực hành quản trị hàng tồn kho. Liệu rằng những lợi ích mà quản trị hàng tồn kho thu được có đủ để bù đắp những chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra. Dựa trên thuyết tinh gọn và thuyết điểm hạn chế cùng với tham khảo kết quả nghiên cứu của Golaś (2020), Koumanakos (2008), Sekeroglu & Altan (2014) và Adebola và cộng sự (2019). (2019) tác giả dự đoán rằng, quản

trị hàng tồn kho có ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, tác giả xây dựng giả thuyết:

H1: Quản trị hàng tồn kho có ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ giả thuyết nghiên cứu tác giả xây dựng mô hình định lượng để kiểm tra tác động của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp với các biến kiểm soát quy mô, đòn bẩy tài chính và tốc độ tăng trưởng của DN.

Hình 1. Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Tác giả đề xuất

Xác định biến quản trị hàng tồn kho

Có nhiều thang đo để quản trị hàng tồn kho của doanh nghiệp. Biến số ngày tồn kho (NDI), tỷ lệ quay vòng của hàng tồn kho (ITR) và độ tinh gọn hàng tồn kho (ILE) được lựa chọn bởi đây là các biến được nhiều nghiên cứu lựa chọn để đo lường hiệu quả quản trị hàng tồn kho (Koumanakos, 2008; Sekeroglu & Altan, 2014; Shardeo, 2015; Sunday & Joseph, 2017; Zbigniew Gołaś, 2020).

Xác định biến kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh trong nghiên cứu này tác giả lựa chọn là biến doanh thu (RVN) và biến lợi nhuận (PRO) là chỉ tiêu đại diện kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (Adebola và cộng sự, 2019).

Xác định các biến kiểm soát

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng các biến quy mô DN (SIZE), đòn bẩy tài chính (LEV) và tăng trưởng doanh thu (GRW) biến kiểm soát của mô hình bởi đây là các biến được nhiều tác giả sử dụng khi phân tích ảnh hưởng quản trị hàng tồn kho đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp. Theo các tác giả, mối quan hệ giữa quản trị hàng tồn kho và hiệu quả doanh nghiệp bị chi phối bởi đặc thù khác nhau như quy mô doanh nghiệp (Gołaś, 2020; Shardeo,

2015; Shin và cộng sự, 2015), đòn bẩy tài chính (Shardeo, 2015; Shin và cộng sự, 2015; Gołaś, 2020) và tốc độ tăng trưởng doanh thu.

Quy mô doanh nghiệp (SIZE). Quy mô doanh nghiệp là biến kiểm soát được được nhiều tác giả sử dụng khi nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp (Shardeo, 2015; Shin và cộng sự, 2015; Gołaś, 2020). Shin & cộng sự (2015) chỉ ra rằng, ở những doanh nghiệp có quy mô nhỏ thì ảnh hưởng của mức tồn kho đến lợi nhuận nhiều hơn. Nghiên cứu cho rằng, các doanh nghiệp quy mô nhỏ có thể nhận được lợi ích lớn hơn từ việc tăng hiệu quả quản lý hàng tồn kho so với các doanh nghiệp quy mô trung bình và lớn. Theo Mesut Doğan (2013) để đo lường quy mô doanh nghiệp các nghiên cứu thường dùng logarit tổng tài sản, logarit doanh thu hoặc logarit tổng lao động.

Đòn bẩy tài chính (nợ vay/vốn) (LEV). Đòn bẩy tài chính cũng được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng là biến kiểm soát để kiểm tra mối quan hệ quản trị hàng tồn kho và hiệu quả tài chính doanh nghiệp (Shardeo, V., 2015); Gołaś, Z., 2020). Các tác giả cũng lập luận rằng khi doanh nghiệp chịu sự

chi phối của các chủ nợ thì khi đó HQTC của doanh nghiệp cũng có thể bị ảnh hưởng. Mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào mức độ minh bạch của thông tin. Vì vậy, trong nghiên cứu này, tác giả lựa chọn biến đòn bẩy tài chính là biến kiểm soát trong mô hình để thấy được ảnh hưởng quản trị hàng tồn kho đến hiệu quả tài chính với những doanh nghiệp có đặc thù về vốn khác nhau. Đòn bẩy tài chính được các nghiên cứu đo lường bằng tỷ lệ nợ/ vốn hoặc tỷ lệ nợ/ tổng tài sản.

Tăng trưởng doanh thu (GRW). Trong nghiên cứu của Zeitun (2014) về cấu trúc vốn và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp ở các quốc gia vùng vịnh cho thấy tăng trưởng doanh thu có ảnh hưởng rất tích cực đến hiệu quả doanh nghiệp. Theo lý giải của tác giả doanh nghiệp có tỷ lệ tăng trưởng cao sẽ có kết quả tốt hơn do họ có thể có nhiều cơ hội đầu tư và lợi nhuận nhiều hơn.

Để kiểm tra giả thuyết quản trị hàng tồn kho ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh doanh nghiệp tác giả xây dựng các phương trình hồi quy như sau:

Mô hình 1: $RVN_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 NDI_{i,t} + \beta_2 SIZE_{i,t} + \beta_3 LEV_{i,t} + \beta_4 GRW_{i,t} + u_{i,t}$

Mô hình 2: $RVN_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 ITR_{i,t} + \beta_2 SIZE_{i,t} + \beta_3 LEV_{i,t} + \beta_4 GRW_{i,t} + u_{i,t}$

Mô hình 3: $RVN_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 ILE_{i,t} + \beta_2 SIZE_{i,t} + \beta_3 LEV_{i,t} + \beta_4 GRW_{i,t} + u_{i,t}$

Mô hình 4: $RPO_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 NDI_{i,t} + \beta_2 SIZE_{i,t} + \beta_3 LEV_{i,t} + \beta_4 GRW_{i,t} + u_{i,t}$

Mô hình 5: $RPO_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 ITR_{i,t} + \beta_2 SIZE_{i,t} + \beta_3 LEV_{i,t} + \beta_4 GRW_{i,t} + u_{i,t}$

Mô hình 6: $RPO_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 ILE_{i,t} + \beta_2 SIZE_{i,t} + \beta_3 LEV_{i,t} + \beta_4 GRW_{i,t} + u_{i,t}$

Trong đó, RVN và RPO lần lượt là biến doanh thu và lợi nhuận đại diện cho biến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, biến NDI, ITR, ILE lần

lượt là số ngày lưu kho, tỷ lệ quay vòng của hàng tồn kho, độ tinh gọn của hàng tồn kho là đại diện của biến hiệu quả quản trị hàng tồn kho, biến SIZE, LEV, GRW là các biến kiểm soát của mô hình.

5. Kết luận

Nghiên cứu thực hiện tổng hợp cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu với mục tiêu xây dựng mô hình khám phá và khẳng định ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Với kết quả nghiên cứu, tác giả thấy rằng các nghiên cứu đã chỉ ra ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến hiệu quả tài chính có thể khác nhau giữa các ngành công nghiệp và khu vực địa lý. Vì vậy, cần có thêm nhiều nghiên cứu để phân tích mối quan hệ này một cách chi tiết hơn cho từng ngành công nghiệp và khu vực cụ thể. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp trong từng ngành có thể áp dụng các phương pháp quản trị hàng tồn kho phù hợp nhất để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, số lượng nghiên cứu về ảnh hưởng quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tại Việt Nam còn hạn chế nên cần có thêm nhiều nghiên cứu trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam để có thể đưa ra những khuyến nghị phù hợp cho các doanh nghiệp Việt Nam. Từ những lý do đó, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhằm cung cấp khuôn khổ lý thuyết về ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh doanh nghiệp, từ đó giúp các nhà nghiên cứu các nhà quản lý và các bên liên quan hiểu rõ hơn tầm quan trọng của quản trị hàng tồn kho đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tác giả kỳ vọng, trong các nghiên cứu tiếp theo sẽ khảo sát số liệu thực tế của các doanh nghiệp Việt Nam dựa trên mô hình này để có thể đưa ra bằng chứng thực tế về ảnh hưởng của quản trị hàng tồn kho đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Adebola và cộng sự (2019). Inventory Management: An Impetus for Increased Profitability in Manufacturing Firms. *International Journal of Accounting, Finance and Risk Management*, 2019; 4(4): 110-115
- Atnafu, D., & Balda, A. (2018). The impact of inventory management practice on firms' competitiveness and organizational performance: Empirical evidence from micro and small enterprises in Ethiopia. *Cogent Business & Management*, 5(1), 1503219
- Thang, Đ.V. & Hương, P.T.D. (2019). Ảnh hưởng của hiệu quả quản trị tồn kho lên khả năng sinh lời của các doanh nghiệp ngành dệt may niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. *Tạp chí khoa học kinh tế - số 7(02) - 2019*
- Golaś, Z. (2020). The effect of inventory management on profitability: evidence from the Polish food industry: Case study. *Agricultural Economics*, 66, 2020 (5), 234-242.
- Kontuš, E. (2014). Management of inventory in a company. *Ekonomski vjesnik: Review of Contemporary Entrepreneurship, Business, and Economic Issues*, 27(2), 245-256
- Koumanakos, D. P. (2008). The effect of inventory management on firm performance. *International journal of productivity and performance management*, 57(5), 355-369.
- NdiranguKung'u, J. (2016). Effects of inventory control on profitability of industrial and allied firms in Kenya. *IOSR Journal of Economics and Finance (IOSR-JEF)*, 7(6), 9-15
- Norazira, A.K., Anuar, N., Ahmad, S. A.P. (2017). "Inventory management effectiveness of a manufacturing company- Malaysian evidence". *International Journal of Law and Management*, <https://doi.org/10.1108/IJLMA-04-2017-0094>
- Nam, N.H.P. và cộng sự (2020). Tác động của quản trị hàng tồn kho đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, số 4 (03)-2022
- Salawati, S., Tinggi, M., & Kadri, N. (2012). Inventory management in Malaysian Construction firms: impact on performance. *SIU Journal of Management*, 2(1), 59-72
- Sekeroglu, G., & Altan, M. (2014). The relationship between inventory management and profitability: A comparative research on Turkish firms operated in weaving industry, eatables industry, wholesale and retail industry. *International Journal of Mechanical and Industrial Engineering*, 8(6), 1698-1703
- Shahabuddin, S. (2011). Supply chain management and its effect on company's performance. *International Journal of Logistics Systems and Management*, 8(1), 101-117
- Shardeo, V. (2015). Impact of Inventory Management on the Financial Performance of the firm. *IOSR Journal of Business and Management*, 17(4), 1-12
- Shin, H., Wood, C. C., & Jun, M. (2016). Does effective inventory management improve profitability?: Empirical evidence from US manufacturing industries. *International Journal of Information Systems and Supply Chain Management (IJISSCM)*, 9(3), 26-45
- Shin, S., Ennis, K. L., & Spurlin, W. P. (2015). Effect of inventory management efficiency on profitability: Current evidence from the US manufacturing industry. *Journal of Economics and Economic Education Research*, 16(1), 98
- Sunday, O., & Joseph, E. E. (2017). Inventory management and SMEs profitability. A study of furniture manufacturing, wholesale and eatery industry in Delta State, Nigeria. *Journal of Finance and Accounting*, 5(3), 75-79.